

Nội dung bài viết

1. [Soan Progress review 4 trang 102, 103 lớp 7 Friends plus](#)

## **Soan Progress review 4 trang 102, 103 lớp 7 Friends plus**

**1 (trang 102 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the sentences with the words in the box. There are two extra words (Hoàn thành các câu với các từ trong hộp. Có hai từ thừa)

band   drums   fans   hit   lyrics  
views   violin   rap

1. Can you play the ... or the piano?
2. Is this music by your favourite pop ...?
3. How many ... were at the concert?
4. Do you know the ... to this song?
5. Is Tim playing the ... or the keyboard?
6. How many ... did the online video have?

### **Đáp án:**

1. violin 2. band 3. fans 4. lyrics 5. drums 6. views

### **Hướng dẫn dịch:**

1. Bạn có thể chơi violin hoặc piano không?
2. Đây có phải là bản nhạc của ban nhạc pop yêu thích của bạn không?
3. Có bao nhiêu người hâm mộ đã có mặt tại buổi hòa nhạc?
4. Bạn có biết lời bài hát này?

5. Tìm chơi trống hay đàn?

6. Video trực tuyến đã có bao nhiêu lượt xem?

**2 (trang 102 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the words. (Hoàn thành các từ)

1. Everybody loves this song. It's going to be a big h\_\_\_\_\_ this summer.

2. I'd like to be a pop star I want to see my name up there in the b\_\_\_\_\_ lights.

3. Tom thinks he'll be famous soon. He needs to wake up and take a look at the r\_\_\_\_\_.

4. That young singer has an amazing v\_\_\_\_\_ and she can dance well. She's going to be s\_\_\_\_\_.

**Đáp án:**

1. hit	2. bright	3. reality	4. voice – star
--------	-----------	------------	-----------------

**Hướng dẫn dịch:**

1. Mọi người đều yêu thích bài hát này. Nó sẽ là một hit lớn trong mùa hè này.

2. Tôi muốn trở thành một ngôi sao nhạc pop Tôi muốn nhìn thấy tên mình ở đó dưới ánh đèn rực rỡ.

3. Tom nghĩ rằng anh ấy sẽ sớm nổi tiếng. Anh ấy cần thức dậy và nhìn vào thực tế.

4. Ca sĩ trẻ đó có một giọng hát tuyệt vời và cô ấy có thể nhảy tốt. Cô ấy sẽ trở thành ngôi sao.

**3 (trang 102 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Write sentences with “be going to”  
(Viết các câu với “be going to”)

1. I / write / a new song

2. we / learn / a musical instrument

3. Lana Del Rey / not sing / her big hit

4. they / watch / a One Direction video

**Đáp án:**

1. I am going to write a new song.
2. We are going to learn a musical instrument.
3. Lana Del Rey isn't going to sing her big hit.
4. They are going to watch a One Direction video.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Tôi sẽ viết một bài hát mới.
2. Chúng ta sẽ học một loại nhạc cụ.
3. Lana Del Rey sẽ không hát hit lớn của cô ấy.
4. Họ sẽ xem một video của One Direction.

**4 (trang 102 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Choose the correct words. (Chọn các từ đúng)

1. We're going to / We'll see Taylor Swift in concert. I bought the tickets on Tuesday.
2. I'm sure you're going to / you'll like the show.
3. David will / is going to play some new music later. He wrote it for this concert.
4. I imagine there'll / there's going to be a lot of people at the festival.
5. We like that singer, but our prediction is that he won't / isn't going to be famous.
6. My sister has got a new guitar and she's going to / she'll learn to play it.

**Đáp án:**

1. **We're going to** see Taylor Swift in concert. I bought the tickets on Tuesday.
2. I'm sure **you'll** like the show.
3. David **is going to** play some new music later. He wrote it for this concert.

4. I imagine **there'll** be a lot of people at the festival.
5. We like that singer, but our prediction is that he **won't** be famous.
6. My sister has got a new guitar and **she's going to** learn to play it.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Chúng tôi sẽ xem Taylor Swift trong buổi hòa nhạc. Tôi đã mua vé vào thứ Ba.
2. Tôi chắc rằng bạn sẽ thích chương trình.
3. David sẽ chơi một số bản nhạc mới sau. Anh ấy đã viết nó cho buổi hòa nhạc này.
4. Tôi tưởng tượng sẽ có rất nhiều người ở lễ hội.
5. Chúng tôi thích ca sĩ đó, nhưng dự đoán của chúng tôi là anh ấy sẽ không nổi tiếng.
6. Em gái tôi có một cây đàn mới và cô ấy sẽ học chơi nó.

**5 (trang 102 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Listen to “Young Musician of the Year”. One of the judges is talking about the three contestants: Ibrahim, Hannah and Nathan. Write True or False. (Nghe "Nhạc sĩ trẻ của năm". Một trong những giám khảo đang nói về ba thí sinh: Ibrahim, Hannah và Nathan. Viết đúng hoặc sai.)

**Ibrahim ...**

1. needs to be a lot more confident.
2. plays the guitar with energy.
3. has only got one weakness.

**Hannah ...**

4. isn't very ambitious.
5. had success at the end of last week's programme.

**Nathan ...**

6. is very charming.

7. has got one important strength.

8. will be famous.

**Đáp án:**

1. False	2. True	3. True	4. False
5. True	6. True	7. False	8. True

**Nội dung bài nghe:**

Host: Good evening, and welcome to the final of “Young Musician of the Year.” Tonight, we welcome back three of our contestants: Ibrahim, Hannah and Nathan. And for those of you new to “Young Musician”, Ibrahim is going to play the classical guitar, Hannah the violin, and Nathan the piano. And of course, we’d like to welcome our judges. And we’re going to start by talking to our judge, Henry Thomson. So Henry, who do you think will win this year’s “Young Musician of the Year”?

Henry: Well, that’s difficult to say. They were all so good last week. Ibrahim is a very confident musician, so he doesn’t need to improve his confidence. He played beautifully last week. He always plays with a lot of energy, and he’s exciting to watch. His only weakness is rhythm. He lost the rhythm a little last week, but that’s his only weakness. And Hannah, she played two difficult violin pieces last week. I think she was very ambitious, perhaps too ambitious. The first piece was OK, but it wasn’t great. But the second piece, it was wonderful. Just amazing. It was good to see Hannah finish with real success last week. Well done, Hannah. And Nathan, he’s got charm when he plays. He always smiles. Yes, he’s really charming. He’s a fantastic musician. He’s got a lot of different strengths. I think out of all three of the contestants tonight, he’ll be famous. That’s what I think. But, who will win the competition? Well, who knows?

Host: Thank you Henry. Of course, our three musicians are going to play again now, and we’re going to learn the name of the winner at the end of the programme.

**Hướng dẫn dịch:**

Người dẫn chương trình: Chào buổi tối và chào mừng đến với đêm chung kết “Nhạc sĩ trẻ của năm”. Tối nay, chúng tôi chào đón ba trong số các thí sinh của chúng tôi trở lại: Ibrahim, Hannah và Nathan. Và đối với những bạn mới với “Nhạc sĩ trẻ”, Ibrahim sẽ chơi guitar cổ điển, Hannah violin và Nathan piano. Và tất nhiên, chúng tôi muốn chào đón các giám khảo của chúng tôi. Và chúng ta sẽ bắt đầu bằng cách nói

chuyện với giám khảo của chúng ta, Henry Thomson. Vậy Henry, bạn nghĩ ai sẽ giành giải “Nhạc sĩ trẻ của năm” năm nay?

Henry: Chà, đi đâu đó thật khó nói. Tất cả họ đều rất tốt vào tuần trước. Ibrahim là một nhạc sĩ rất tự tin, vì vậy anh ấy không cần phải cải thiện sự tự tin của mình. Anh ấy đã chơi tuyệt vời vào tuần trước. Anh ấy luôn chơi với rất nhiều năng lượng và anh ấy rất thú vị khi xem. Điểm yếu duy nhất của anh ấy là nhịp điệu. Anh ấy đã mất nhịp một chút vào tuần trước, nhưng đó là điểm yếu duy nhất của anh ấy. Và Hannah, cô ấy đã chơi hai bản violin khó vào tuần trước. Tôi nghĩ cô ấy rất tham vọng, có lẽ quá tham vọng. Bản đầu tiên ổn, nhưng nó không tuyệt. Nhưng bản thứ hai, nó thật tuyệt vời. Thật tuyệt vời. Thật vui khi thấy Hannah kết thúc với thành công thực sự vào tuần trước. Làm tốt lắm, Hannah. Và Nathan, anh ấy rất quyến rũ khi chơi. Anh ấy luôn mỉm cười. Vâng, anh ấy thực sự rất quyến rũ. Anh ấy là một nhạc sĩ tuyệt vời. Anh ấy có rất nhiều điểm mạnh khác nhau. Tôi nghĩ trong số cả ba thí sinh tối nay, anh ấy sẽ nổi tiếng. Tôi nghĩ vậy đó. Nhưng, ai sẽ giành chiến thắng trong cuộc thi? Chà, ai biết được?

Người dẫn chương trình: Cảm ơn Henry. Tất nhiên, ba nhạc sĩ của chúng ta sẽ biểu diễn lại ngay bây giờ và chúng ta sẽ tìm hiểu tên của người chiến thắng ở cuối chương trình.

**6 (trang 103 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Write questions with “be going to” (Viết câu hỏi với “be going to”)

1. (you / play) basketball after school? - Yes, I am. We've got a match.
2. (your brother/ get) tickets for that hip-hop band? - No, he isn't.
3. (we / listen to) that song again? - Yes, we are. It's fantastic!
4. (Emily / sell) her violin? - Yes, she is. She doesn't play it now.
5. What book (you / read) this summer? - The Hunger Games.
6. Where (Anya/ stay) on holiday? - In a nice hotel in Turkey.

**Đáp án:**

1. **Are you going to play** basketball after school? - Yes, I am. We've got a match.
2. **Is your brother going to get** tickets for that hip-hop band? - No, he isn't.

3. **Are we going to listen to** that song again? - Yes, we are. It's fantastic!
4. **Is Emily going to sell** her violin? - Yes, she is. She doesn't play it now.
5. What book **are you going to read** this summer? - The Hunger Games.
6. Where **is Anya going to stay** on holiday? - In a nice hotel in Turkey.

### **Hướng dẫn dịch:**

1. Bạn có định chơi bóng rổ sau giờ học không? - Vâng là tôi. Chúng tôi có một trận đấu.
2. Anh trai của bạn có đi lấy vé cho ban nhạc hip-hop đó không? - Không, không phải.
3. Chúng ta sẽ nghe lại bài hát đó chứ? - Vâng chúng tôi. Thật tuyệt vời!
4. Emily có định bán cây vĩ cầm của mình không? - Đúng vậy. Cô ấy không chơi nó bây giờ.
5. Bạn định đọc cuốn sách nào trong mùa hè này? - The Hunger Games.
6. Anya sẽ ở đâu vào kỳ nghỉ? - Ở một khách sạn đẹp ở Thổ Nhĩ Kỳ.

**7 (trang 103 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the dialogue about future arrangements using the present continuous (Hoàn thành cuộc đối thoại về các sắp xếp trong tương lai bằng cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn)

Betty: What (1. you / do) this weekend?

Caroline: (2. I / not do) anything special. What about you?

Betty: (3. I / travel) to London to see a show with my cousins. (4. my mum / come), too.

Caroline: Where (5. you / meet) them?

Betty: Outside the theatre. (6. we / spend) the evening with them and (7. we / have) dinner together after the show. Then (8. they / drive) us home later.

Caroline: That sounds great.

## Đáp án:

1. are you doing	2. I'm not doing
3. I'm travelling	4. My mum's coming
5. are you meeting	6. We're spending
7. we're having	8. they're driving

## Hướng dẫn dịch:

Betty: Bạn đang làm gì vào cuối tuần này?

Caroline: Tôi không làm gì đặc biệt. Còn bạn thì sao?

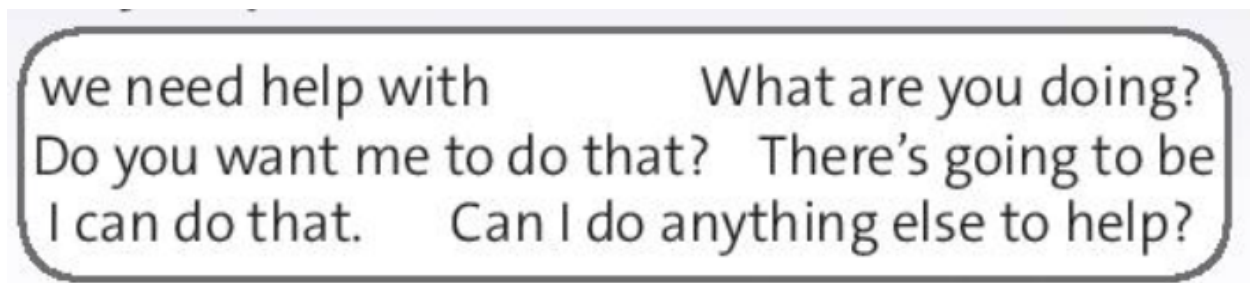
Betty: Tôi đang đi du lịch đến London để xem một buổi biểu diễn với anh em họ của mình. Mẹ tôi cũng sắp đến.

Caroline: Bạn gặp họ ở đâu?

Betty: Bên ngoài rạp hát. Chúng tôi sẽ dành buổi tối với họ và chúng tôi ăn tối cùng nhau sau buổi biểu diễn. Sau đó, họ sẽ chở chúng tôi về nhà sau.

Caroline: Nghe hay đấy.

**8 (trang 103 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the dialogue then practise with your partner (Hoàn thành cuộc đối thoại sau đó thực hành với bạn của bạn)



Jack: Hello, Lily.

Lily: Hi, Jack. You look very busy. (1)

Jack: (2) a concert at school and I'm helping with it. There's a lot of work. I've got all these tickets to sell.

Lily: (3)



Jack: That would be great.

Lily: (4)

Jack: Well, (5) the posters. If I give you some posters, can you put them up?

Lily: Sure, no problem, (6).

**Đáp án:**

1. What are you doing?	2. There's going to be
3. Do you want me to do that?	4. Can I do anything else to help?
5. we need help with	6. I can do that.

**Hướng dẫn dịch:**

Jack: Xin chào, Lily.

Lily: Chào Jack. Bạn trông rất bận rộn. Bạn đang làm gì đấy?

Jack: Sẽ có một buổi hòa nhạc ở trường và tôi đang giúp việc đó. Có rất nhiều việc. Tôi có tất cả những vé này để bán.

Lily: Bạn có muốn tôi làm đi đâu đó không?

Jack: Đi đâu đó sẽ rất tuyệt.

Lily: Tôi có thể làm gì khác để giúp không?

Jack: Chà, chúng tôi cần trợ giúp về các áp phích. Nếu tôi đưa cho bạn một số áp phích, bạn có thể đưa chúng lên không?

Lily: Chắc chắn rồi, không vấn đề gì, tôi có thể làm được đi đâu đó.

**9 (trang 103 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Order the words to make sentences.  
(Sắp xếp các từ để tạo thành câu)

Title / Band: 'Rather Be' by Clean Bandit (feat, Jess Glynn)

1. you're / If / catchy / into / pop music, you'll / song. / love / this

2. you / like / If / it, / you'll / dance to / want / to / it! / definitely

3/ are /The / all / love. / lyrics / about

4. The / amazing voice. / song / Jess Glynn's /off with / starts

5. because / It / includes / doesn't sound / it / other pop music / classical music, / too. / the same as

6. for some people / doesn't work / the fusion of / I think / classical and pop music, but / really / it. / like / I

### **Đáp án:**

1. If you're into pop music, you'll love this catchy song.

2. If you like it, you'll definitely want to dance to it!

3. The lyrics are all about love.

4. The Jess Glynn's song starts off with / amazing voice.

5. It doesn't sound the same as other pop music because it includes classical music, too.

6. I think the fusion of classical and pop music doesn't work for some people, but I really like it.

### **Hướng dẫn dịch:**

1. Nếu bạn yêu thích nhạc pop, bạn sẽ thích bài hát hấp dẫn này.

2. Nếu bạn thích nó, bạn chắc chắn sẽ muốn nhảy theo nó!

3. Lời bài hát là tất cả về tình yêu.

4. Bài hát của Jess Glynn bắt đầu bằng / giọng hát tuyệt vời.

5. Nghe không giống với các loại nhạc pop khác vì nó cũng bao gồm cả nhạc cổ điển.

6. Tôi nghĩ rằng sự kết hợp giữa nhạc cổ điển và nhạc pop không phù hợp với một số người, nhưng tôi thực sự thích nó.